

## PHỤ LỤC I

### MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN<sup>1</sup>

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ  
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

#### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI TRƯỜNG TIỂU HỌC AN NHƠN ĐÔNG

#### BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm: 2023-2024

##### I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC AN NHƠN ĐÔNG.
- Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của đơn vị:
  - Địa chỉ: Số 111, Đường Đỗ Đăng Tuyển, ấp Gò Nổi, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.
  - Điện thoại: (028)38926643
  - Địa chỉ thư điện tử: [c1annhondongcuchi.TPHCM@moet.edu.vn](mailto:c1annhondongcuchi.TPHCM@moet.edu.vn)
  - Cổng thông tin điện tử: <https://thannhondong.hcm.edu.vn>
- Loại hình của đơn vị: Công lập.
- Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị, phương châm hành động, mục tiêu của đơn vị

##### **Sứ mạng**

Giáo dục học sinh phát triển toàn diện, tạo nên một thế hệ người lao động có tri thức, có đạo đức, có bản lĩnh trung thực, sáng tạo, có kỹ năng sống để góp phần xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Giáo dục học sinh phát triển toàn diện, tạo nên một thế hệ người lao động có tri thức, có đạo đức, có bản lĩnh sáng tạo, có kỹ năng sống góp phần xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

##### **Tầm nhìn**

Là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình; nơi giáo viên và học sinh luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công.

Một trường học có môi trường sư phạm thân thiện trong cư xử, hiện đại trong phương pháp và luôn giúp các em có khát vọng vươn lên trong học tập.

##### **Giá trị**

Trách nhiệm, tình thương yêu của thầy cô sẽ tạo sự hợp tác, gắn kết và ở đây các em được cảm thông, chia sẻ, được bày tỏ ý kiến riêng của mình và việc tới trường trở thành một nhu cầu của mỗi cá nhân học sinh.

### **Phương châm hành động**

Với phương châm "Tất cả vì học sinh thân yêu", nhà trường sẽ tạo dựng được môi trường học tập nền nếp, có kỷ cương, tình thương, trách nhiệm và có chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển và cảm nhận mỗi ngày đến trường là một ngày vui.

### **Mục tiêu:**

Xây dựng một ngôi trường uy tín về chất lượng giáo dục, lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có, giúp học sinh hình thành và phát triển những nhân tố căn bản để đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

Học sinh có ý thức và trách nhiệm trong học tập, có lối sống lành mạnh, trung thực, có năng lực làm việc cá nhân kể cả làm việc nhóm, có kỹ năng sống, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, ham học hỏi và học tập có kết quả cao.

### **5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của đơn vị.**

Trường Tiểu học An Nhơn Đông được thành lập theo quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 1978 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi. Trường tọa lạc tại số 111, đường Đỗ Đăng Tuyển, ấp Gò Nổi, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình hình thành và phát triển, nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh, Huyện ủy huyện Củ Chi, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi, cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân xã An Nhơn Tây.

Chính nhờ sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, Trường Tiểu học An Nhơn Đông đã được xây dựng, nâng cấp mở rộng và hoàn thành đưa vào sử dụng từ tháng 01 năm 2014. Khuôn viên của nhà trường rộng rãi, thoáng mát, khang trang và đạt chuẩn với tổng diện tích 11.445,2 m<sup>2</sup> gồm 1 trệt 2 lầu với 30 phòng học và 21 phòng chức năng. Các công trình xây dựng trong khuôn viên hài hòa, thẩm mỹ, thích hợp với ngôi trường dành cho học sinh tiểu học. Trang thiết bị đầy đủ theo danh mục tối thiểu, phục vụ tốt cho việc dạy và học. Theo Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 29 Tháng 02 năm 2024, Trường được sơn lại toàn bộ khuôn viên trường và được cấp trang thiết bị dạy học phòng ngoại ngữ và tin học.

Đến tháng 9 năm 2024, trường có 47 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Trong đó 36/36 giáo viên đạt chuẩn, tỷ lệ 100%. Năm học 2024-2025, trường có 721 học sinh chia làm 25 lớp.

Bên cạnh đó, nhà trường luôn phát huy tốt vai trò tham mưu của mình để đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục. Các ban ngành đoàn thể địa phương luôn quan tâm hỗ trợ nhà trường về mọi mặt. Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn nhiệt tình phối hợp với nhà trường trong công tác giáo dục học sinh.

Với khát vọng vươn lên để tự hoàn thiện, Trường Tiểu học An Nhơn Đông luôn nỗ lực phấn đấu, đến nay liên tục 05 năm liền đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến (từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024). Trong đó, có 02 năm liền đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc (năm học 2022-2023 và năm học 2023-2024), Công đoàn xếp loại Tốt, Chi đoàn xuất sắc, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh đạt danh hiệu xuất sắc nhiều năm liền. Tỷ lệ giáo viên giỏi, chiến sĩ thi đua cơ sở luôn được duy trì.

Trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 2609/QĐ-UBND, ngày 23 tháng 5 năm 2016 và đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1 theo Quyết định số 2321-14/QĐ-GDĐT-KTKĐCLGD, ngày 03 tháng 9 năm 2019.

**6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:**

- Họ và tên; VÕ VĂN DŨNG
- Chức vụ; HIỆU TRƯỞNG
- Địa chỉ nơi làm việc: Số 111, Đường Đỗ Đăng Tuyển, ấp Gò Nổi, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 0919412935 – 0395479535
- Địa chỉ thư điện tử: vvdung.cuchihcm@.edu.vn

**7. Tổ chức bộ máy:**

**7.1 Quyết định thành lập trường:**

Trường Tiểu học An Nhơn Đông được thành lập theo quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 1978 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi. Trường tọa lạc tại số 111, đường Đỗ Đăng Tuyển, ấp Gò Nổi, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

**7.2 Quyết định công nhận hội đồng trường**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TRƯỜNG**  
**TRƯỜNG TIỂU HỌC AN NHƠN ĐÔNG**  
**NHIỆM KỲ: 2023-2028**

*(Ban hành kèm Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi)*

| STT | HỌ VÀ TÊN                | CHỨC VỤ                          | CHỨC DANH  |
|-----|--------------------------|----------------------------------|------------|
| 1   | Ông Võ Văn Dũng          | Hiệu trưởng                      | Thành viên |
| 2   | Bà Huỳnh Cao Kim Phi     | Phó Chủ tịch UBND Xã An Nhơn Tây | Thành viên |
| 3   | Bà Võ Hồng Thanh         | Bí thư Chi bộ - Phó Hiệu trưởng  | Thành viên |
| 4   | Ông Nguyễn Văn Cường     | Chủ tịch Công đoàn               | Thành viên |
| 5   | Ông Nguyễn Trần Nhựt Tân | Bí thư Chi đoàn                  | Thành viên |
| 6   | Bà Thái Thị Thùy Dung    | Tổ trưởng chuyên môn             | Thành viên |
| 7   | Ông Lê Tấn Đạt           | Tổ trưởng chuyên môn             | Thành viên |
| 8   | Bà Nguyễn Thị Kim Lài    | Tổ trưởng chuyên môn             | Thành viên |
| 9   | Bà Nguyễn Thị La         | Tổ trưởng chuyên môn             | Thành viên |
| 10  | Ông Nguyễn Văn Rường     | Tổ trưởng Tổ Văn phòng           | Thành viên |
| 11  | Ông Nguyễn Công Bình     | Trưởng Ban Đại diện CMHS         | Thành viên |

---

### ***Tổng cộng danh sách có 11 thành viên./.***

Tổ chức bộ máy Trường Tiểu học An Nhơn Đông gồm: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và các tổ Chuyên môn, Tổ Văn phòng.

**7.3 Hiệu trưởng:** Võ Văn Dũng được bổ nhiệm tại quyết định số 9500/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 8 năm 2023 của UBND huyện Củ Chi chịu trách nhiệm:

Chỉ đạo, điều hành nhà trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ trường Tiểu học;

Giải quyết theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của cá nhân đối với những đề nghị của các bộ phận, đoàn thể, cá nhân liên quan về những vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền quản lý;

Phân công nhiệm vụ cho Phó hiệu trưởng; phân cấp cho phó hiệu trưởng giải quyết một số công việc thuộc lĩnh vực quản lý của nhà trường;

Chỉ đạo việc hướng dẫn kiểm tra hoạt động của các bộ phận nhà trường;

Ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hiệu trưởng.

Trực tiếp phụ trách: Tài chính, tài sản công; cơ sở vật chất; Công tác Đoàn, Đội; Dạy thêm, học thêm; PCGD-XMC; An toàn, an ninh trường học; Đào tạo bồi dưỡng; Kiểm định chất lượng; Đánh giá CB-VC.

**7.4 Phó Hiệu trưởng:** Võ Hồng Thanh được bổ nhiệm tại quyết định số 13185/QĐ-UBND, ngày 14 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện Củ Chi chịu trách nhiệm:

Chỉ đạo, xử lý thường xuyên các công việc cụ thể thuộc thẩm quyền được Hiệu trưởng phân công trong một số lĩnh vực công tác của nhà trường; theo dõi, chỉ đạo kiểm tra một hoặc một số tổ chuyên môn, nghiệp vụ; Phối hợp hoặc trực tiếp tham gia các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Trong phạm vi lĩnh vực công việc được giao, Phó Hiệu trưởng được sử dụng quyền hạn của Hiệu trưởng, nhân danh Hiệu trưởng khi giải quyết các công việc và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về những quyết định của mình.

Phó hiệu trưởng chủ động giải quyết công việc được phân công; nếu có phát sinh những vấn đề vượt thẩm quyền phải kịp thời báo cáo Hiệu trưởng quyết định.

### **7.5 Tổ chuyên môn - nghiệp vụ:**

- **Tổ chuyên môn:** Được chia thành 06 tổ gồm: Tổ 1, tổ 2, tổ 3, tổ 4, tổ 5 và Tổ Bộ môn. Tổ chuyên môn có Tổ trưởng (theo điều lệ trường Tiểu học quy định). Tổ trưởng do Hiệu trưởng bổ nhiệm và giao nhiệm vụ trên cơ sở giới thiệu của tổ chuyên môn vào đầu năm học.

- **Tổ văn phòng:** Gồm có Tổng phụ trách Đội và các viên chức hành chính làm công tác kế toán, văn thư, phục vụ và bảo vệ, nhân viên khác, ... Tổ văn phòng có tổ trưởng, tổ phó (theo điều lệ) do Hiệu trưởng bổ nhiệm và giao nhiệm vụ.

Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về toàn bộ hoạt động của tổ khối theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được quy định tại Điều lệ trường Tiểu học. Chủ động tổ chức thực hiện công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ khối; chịu trách nhiệm cá nhân trước Hiệu trưởng về kết quả thực hiện công việc được giao và công việc thuộc trách nhiệm và thẩm quyền của mình, kể cả khi đã phân công hoặc uỷ nhiệm cho Tổ phó; thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

Chủ trì xây dựng kế hoạch dạy học các môn học/HĐGD của tổ, khối theo tuần, tháng, học kỳ và năm học; tổ chức triển khai, đôn đốc và kiểm tra các thành viên trong tổ thực hiện kế hoạch đó.

Những việc phát sinh vượt quá thẩm quyền: Phải kịp thời báo cáo Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng phụ trách cho ý kiến chỉ đạo để giải quyết; Không chuyển công việc thuộc nhiệm vụ, thẩm quyền của tổ khối mình sang tổ khối khác hoặc lên CBQL; Không giải quyết công việc thuộc nhiệm vụ, thẩm quyền tổ khối khác.

Chủ động phối hợp với tổ, khối chuyên môn khác thuộc nhà trường để xử lý những vấn đề có liên quan đến những công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của tổ khối và thực hiện nhiệm vụ chung của nhà trường.

Tiếp nhận ý kiến chỉ đạo của Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng; xử lý văn bản, hồ sơ từ Văn phòng chuyển đến. Hướng dẫn, đôn đốc, chỉ đạo, kiểm tra cấp phó và viên chức thực hiện công việc theo đúng tiến độ, có chất lượng; phân công cấp phó tham dự các cuộc họp, hội thảo trong và ngoài cơ quan.

**7.6 Các Hội đồng trong nhà trường:** Các Hội đồng trong nhà trường do Hiệu trưởng thành lập trong năm học và làm Chủ tịch Hội đồng, trừ Hội đồng nêu tại mục b khoản 2 điều này, gồm:

#### **7.6.1 Hội đồng thi đua và khen thưởng:**

Hội đồng thi đua khen thưởng giúp hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua; hướng dẫn tổ chức phát động thi đua và giám sát việc thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết, xét và đề nghị khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh nhà trường; kiến nghị đề xuất về công tác thi đua, khen thưởng.

Hội đồng thi đua khen thưởng do hiệu trưởng thành lập vào đầu mỗi năm học bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch, thư ký và các thành viên. Hiệu trưởng là chủ tịch hội đồng thi đua khen thưởng. Các thành viên của hội đồng bao gồm: phó hiệu trưởng, đại diện cấp ủy Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ tịch Công đoàn, bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tổng phụ trách Đội, tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng, đại diện giáo viên. Số lượng thành viên trong Hội đồng thi

đưa khen thưởng là số lẻ.

Chủ tịch Hội đồng thi đua khen thưởng triệu tập họp hội đồng định kì vào đầu năm học, cuối học kì I, cuối năm học và họp đột xuất khi có yêu cầu công việc.

#### **7.6.2. Hội đồng kỷ luật:**

Hội đồng kỉ luật được thành lập để xét hoặc xóa kỉ luật đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên theo từng vụ việc. Việc thành lập, thành phần và hoạt động của hội đồng kỉ luật được thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **7.6.3. Hội đồng tư vấn**

Hiệu trưởng thành lập các hội đồng tư vấn để tư vấn giúp hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong hoạt động quản lý và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ. Nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần và thời gian hoạt động của các hội đồng tư vấn do hiệu trưởng quy định.

#### **7.6.4. Tổ chức Đảng Cộng Sản Việt Nam và các đoàn thể trong nhà trường.**

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường tiểu học lãnh đạo nhà trường và hoạt động theo quy định của Điều lệ Đảng, trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác hoạt động trong trường tiểu học theo quy định của pháp luật nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu, chương trình giáo dục.

Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh hoạt động theo Điều lệ Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và các quy định của pháp luật. Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh có tổng phụ trách Đội. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của tổng phụ trách Đội thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **8. Nguyên tắc làm việc của nhà trường:**

**8.1.** Nhà trường làm việc theo chế độ thủ trưởng. Mọi hoạt động của nhà trường phải tuân thủ các quy định của pháp luật, Quy chế làm việc của nhà trường và các văn bản quản lý. Cán bộ, giáo viên, viên chức, nhân viên thuộc Trường Tiểu học Trung Lập Thượng phải xử lý và giải quyết công việc đúng trình tự, thủ tục, phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền.

**8.2.** Đề cao trách nhiệm cá nhân, mỗi việc chỉ một người phụ trách và chịu trách nhiệm. Hiệu trưởng là Thủ trưởng cơ quan phân công công việc cho các thành viên trong Trường.

**8.3.** Xử lý công việc đúng phạm vi thẩm quyền và trách nhiệm được phân công, đúng trình tự, thủ tục theo các quy định của pháp luật, chương trình, kế hoạch công tác năm học và Quy chế làm việc của nhà trường.

**8.4.** Bảo đảm yêu cầu phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc và trong mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

**8.5.** Bảo đảm dân chủ, rõ ràng, minh bạch và hiệu quả trong mọi hoạt động; thường xuyên đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, xây dựng môi trường làm việc văn hóa.

## **II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN**

### **1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:**

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

| Thành phần | Tổng số   | Nữ        | TĐCM    |           |          |          | Đăng viên | BC        | HD       | Tỷ lệ GV/lớp |
|------------|-----------|-----------|---------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|----------|--------------|
|            |           |           | Trên ĐH | ĐH        | CĐ       | TC       |           |           |          |              |
| Quản lý    | 2         | 1         |         | 2         |          |          | 1         | 2         |          |              |
| Giáo viên  | 36        | 31        |         | 36        |          |          | 17        | 36        |          | 1,44         |
| Nhân viên  | 9         | 5         |         |           | 1        | 3        |           | 3         | 6        |              |
| Tổng số    | <b>47</b> | <b>37</b> |         | <b>38</b> | <b>1</b> | <b>3</b> | <b>18</b> | <b>41</b> | <b>6</b> |              |

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp;

- Cán bộ quản lý: 02/02, Tỷ lệ: 100% đạt chuẩn nghề nghiệp.

- Giáo viên: 36/36, Tỷ lệ: 100% đạt chuẩn nghề nghiệp.

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- Cán bộ quản lý: 02/02, Tỷ lệ: 100% hoàn thành bồi dưỡng hằng năm.

- Giáo viên: 36/36, Tỷ lệ: 100% hoàn thành bồi dưỡng hằng năm.

## **III. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có khuôn viên rộng rãi với diện tích 11.445,2 m<sup>2</sup>/713 học sinh (16,05 m<sup>2</sup>/học sinh), có cây xanh bóng mát, sân trường, sân tập sạch, đẹp, thoáng mát, diện tích sân chơi và sân tập thể dục thể thao đạt 72,93% diện tích khuôn viên.

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các đơn vị có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;



| Chức năng | P. Hiệu trưởng | P. Phó Hiệu trưởng | Văn phòng | P. Bảo vệ | Khu vệ sinh GV-CB-NV | Khu để xe của GV-CB-NV |
|-----------|----------------|--------------------|-----------|-----------|----------------------|------------------------|
| Số lượng  | 1              | 1                  | 1         | 1         | 5                    | 1                      |

**b. Khối phòng học tập: 35**

| Chức năng | P. học | P. Âm nhạc | P. Mỹ thuật | P. Tin học | P. ngoại ngữ | P. đa năng |
|-----------|--------|------------|-------------|------------|--------------|------------|
| Số lượng  | 30     | 1          | 1           | 2          | 0            | 1          |

**c. Khối phòng hỗ trợ học tập: 05**

| Chức năng | Thư viện | Phòng TBGD | Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục HSKT học hòa nhập | P. Truyền thống | P. Đội Thiếu niên |
|-----------|----------|------------|-------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------|
| Số lượng  | 1        | 1          | 1                                                           | 1               | 1                 |

**d. Khối phụ trợ: 11**

| Chức năng | Phòng họp | Phòng Y tế | Nhà kho | Khu để xe học sinh | Khu vệ sinh học sinh | Phòng nghỉ giáo viên |
|-----------|-----------|------------|---------|--------------------|----------------------|----------------------|
| Số lượng  | 1         | 1          | 1       | 1                  | 5                    | 2                    |

**e. Khối phục vụ sinh hoạt: 03**

| Chức năng | Nhà bếp | Kho bếp | Nhà ăn |
|-----------|---------|---------|--------|
| Số lượng  | 1       | 1       | 1      |

c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có đủ thiết bị dạy học tối thiểu đáp ứng các hoạt động dạy học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trang thiết bị dạy học được cấp phát, bổ sung kịp thời, đầy đủ; có sổ sách theo dõi việc mượn thiết bị dạy học. Việc sử dụng thiết bị dạy học sẵn có của giáo viên được kiểm tra, nhắc nhở thường xuyên.

d) Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

Trường trang bị cho mỗi giáo viên 1 bộ đồ dùng dạy học riêng mỗi học sinh đều tự trang bị bộ sách giáo khoa, đồ dùng học tập, học sinh người dân tộc thiểu số được giáo viên giảng dạy theo một phương pháp tiến bộ, nhiều đồ dùng thiết bị được trang bị thêm từ nguồn kinh phí của trường, đồ dùng, thiết bị sử dụng hiệu quả, phục vụ tốt việc đổi mới phương pháp dạy học. Nhà trường thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở giáo viên sử dụng thiết bị dạy học tối thiểu được cung cấp. Hàng năm, nhà trường luôn quan tâm, khuyến khích giáo viên tự làm thêm thiết bị dạy học và tăng cường sử dụng giáo án điện tử, bảng tương tác để nâng cao hiệu quả giờ dạy

e) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong đơn vị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được đơn vị lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Học sinh có đủ sách giáo khoa, hàng năm nhà trường đều dành một phần kinh phí để thư viện bổ sung các loại sách, tài liệu tham khảo, các loại sách, tài liệu bổ sung luôn đảm bảo nhu cầu sử dụng tối thiểu của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh

Nhà trường sử dụng bộ sách chân trời sáng tạo theo Danh mục sách giáo khoa sử dụng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Cụ thể:

| STT | Tên sách                                                             | Nhà xuất bản      |
|-----|----------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1   | Tiếng Việt lớp 1, 2, 3, 4, 5 - tập 1 (Chân trời sáng tạo)            | Giáo dục Việt Nam |
| 2   | Tiếng Việt lớp 1, 2, 3, 4, 5 - tập 2 (Chân trời sáng tạo)            | Giáo dục Việt Nam |
| 3   | Toán lớp 1, 2, 3, 4, 5 - tập 1 (Chân trời sáng tạo)                  | Giáo dục Việt Nam |
| 4   | Toán lớp 1, 2, 3, 4, 5 - tập 2 (Chân trời sáng tạo)                  | Giáo dục Việt Nam |
| 5   | Đạo đức lớp 1, 2, 3, 4, 5 (Chân trời sáng tạo)                       | Giáo dục Việt Nam |
| 6   | Khoa học lớp 4, 5 (Chân trời sáng tạo)                               | Giáo dục Việt Nam |
| 7   | Lịch sử và Địa lí lớp 4, 5 (Chân trời sáng tạo)                      | Giáo dục Việt Nam |
| 8   | Tin học lớp 1, 2, 3, 4, 5 (Chân trời sáng tạo)                       | Giáo dục Việt Nam |
| 9   | Công nghệ lớp 3, 4, 5 (Chân trời sáng tạo)                           | Giáo dục Việt Nam |
| 10  | Giáo dục thể chất lớp 1, 2, 3, 4, 5 (Chân trời sáng tạo)             | Giáo dục Việt Nam |
| 11  | Âm nhạc lớp 1, 2, 3, 4, 5 (Chân trời sáng tạo)                       | Giáo dục Việt Nam |
| 12  | Mĩ Thuật lớp 1, 2, 3, 4, 5 (bản 1) (Chân trời sáng tạo)              | Giáo dục Việt Nam |
| 13  | Hoạt động trải nghiệm lớp 1, 2, 3, 4, 5 (bản 1) (Chân trời sáng tạo) | Giáo dục Việt Nam |

|    |                                                                                 |                   |
|----|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 14 | Vở bài tập Tiếng Việt lớp 1, 2, 3, 4, 5 - tập 1 (Chân trời sáng tạo)            | Giáo dục Việt Nam |
| 15 | Vở bài tập Tiếng Việt lớp 1, 2, 3, 4, 5 - tập 2(Chân trời sáng tạo)             | Giáo dục Việt Nam |
| 16 | Vở bài tập Toán lớp 1, 2, 3, 4, 5 - tập 1(Chân trời sáng tạo)                   | Giáo dục Việt Nam |
| 17 | Vở bài tập Toán lớp 1, 2, 3, 4, 5 - tập 2(Chân trời sáng tạo)                   | Giáo dục Việt Nam |
| 18 | Vở bài tập Đạo đức lớp 1, 2, 3, 4, 5 (Chân trời sáng tạo)                       | Giáo dục Việt Nam |
| 19 | Vở bài tập Khoa học lớp 4, 5 (Chân trời sáng tạo)                               | Giáo dục Việt Nam |
| 20 | Vở bài tập Lịch sử và Địa lí lớp 4, 5 (Chân trời sáng tạo)                      | Giáo dục Việt Nam |
| 21 | Vở bài tập Tin học lớp 1, 2, 3, 4, 5 (Chân trời sáng tạo)                       | Giáo dục Việt Nam |
| 22 | Vở bài tập Công nghệ lớp 3, 4, 5 (Chân trời sáng tạo)                           | Giáo dục Việt Nam |
| 23 | Vở bài tập Giáo dục thể chất lớp 1, 2, 3, 4, 5 (Chân trời sáng tạo)             | Giáo dục Việt Nam |
| 24 | Vở bài tập Âm nhạc lớp 1, 2, 3, 4, 5 (Chân trời sáng tạo)                       | Giáo dục Việt Nam |
| 25 | Vở bài tập Mỹ Thuật lớp 1, 2, 3, 4, 5 (bản 1) (Chân trời sáng tạo)              | Giáo dục Việt Nam |
| 26 | Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm lớp 1, 2, 3, 4, 5 (bản 1) (Chân trời sáng tạo) | Giáo dục Việt Nam |
| 27 | Tiếng Anh 3 -Family and friends (National Edition) - Student book               | Giáo dục Việt Nam |
| 28 | Tiếng Anh 3 - Family and friends (National Edition) - Work book                 | Giáo dục Việt Nam |
| 29 | Tiếng Anh 4 -Family and friends (National Edition) - Student book               | Giáo dục Việt Nam |
| 30 | Tiếng Anh 4 - Family and friends (National Edition) - Work book                 | Giáo dục Việt Nam |
| 31 | Tiếng Anh 5 -Family and friends (National Edition) - Student book               | Giáo dục Việt Nam |

|    |                                                                                                   |                    |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 32 | Tiếng Anh 5 - Family and friends (National Edition) - Work book                                   | Giáo dục Việt Nam  |
| 33 | Sử ca Việt Nam ( 80 ca khúc)                                                                      | Thanh Niên         |
| 34 | Kỹ thuật cắt may căn bản và thời trang trẻ em                                                     | Phụ Nữ             |
| 35 | Thủ tướng Võ Văn Kiệt - Chân dung một con người                                                   | Chính trị Quốc gia |
| 36 | Tuyển chọn, tham khảo các bài diễn văn, phát biểu khai mạc, bế mạc hội nghị dùng trong trường học | Thế Giới           |

f) Số lượng, diện tích của phòng học, phòng học bộ môn, phòng chức năng, phòng chuyên môn, nghiệp vụ theo cơ cấu tổ chức của trung tâm;

| STT       | Số liệu                                                                                     | Số lượng  |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|           | Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập                                         | <b>36</b> |
|           | Phòng học                                                                                   | <b>30</b> |
|           | Phòng kiên cố                                                                               | 30        |
|           | Phòng học bộ môn (phòng dạy Âm nhạc, phòng dạy Mỹ thuật, phòng Lab và phòng dạy Tin học)    | <b>4</b>  |
|           | Phòng kiên cố                                                                               | 4         |
|           | Khối phục vụ học tập (phòng giáo dục thể chất, phòng nghe nhìn)                             | <b>2</b>  |
|           | Phòng kiên cố                                                                               | 2         |
| <b>I</b>  | Khối phòng hành chính - quản trị                                                            | <b>11</b> |
|           | Phòng kiên cố                                                                               | 11        |
| <b>II</b> | Thư viện                                                                                    | <b>1</b>  |
| <b>V</b>  | Các công trình, khối phòng chức năng khác (phòng hội trường, phòng truyền thống, phòng Đội) | <b>3</b>  |
|           | <b>Cộng</b>                                                                                 | <b>51</b> |

#### **IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của đơn vị; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

Trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 2609/QĐ-UBND, ngày 23 tháng 5 năm 2016 và đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1 theo Quyết định số 2321-14/QĐ-GDDT-KTKĐCLGD, ngày 03 tháng 9 năm 2019.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của đơn vị qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

Ngày 04/9/2024, Trường đã nộp báo cáo tự đánh giá cho Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 10/2024, Trường sẽ đón Đoàn Đánh giá ngoài đến kiểm định chất lượng giáo dục và Chuẩn Quốc gia.

#### **V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC<sup>6</sup>**

a) Tổng số trẻ em; tổng số nhóm, lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp (hoặc nhóm, lớp ghép);

Năm học 2024-2025, Trường Tiểu học An Nhơn Đông có 25 lớp, với 720 học sinh.

b) Số trẻ em học nhóm, lớp ghép (nếu có): không

c) Số trẻ em học 02 buổi/ngày: 720/720, Tỷ lệ 100%

d) Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú: 70 học sinh

đ) Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ: 720/720, Tỷ lệ 100%

e) Số trẻ em khuyết tật: 19 học sinh

3. Đơn vị thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng trẻ em đang học: không

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

- Năm học 2024-2025 Trường có tổng số 25 lớp với 720 học sinh, cụ thể như sau:

| STT              | Khối<br>lớp | Số<br>lớp | Số<br>HS | Nữ  | HS<br>khuyết<br>tật | HS<br>dân<br>tộc | HS cận<br>nghèo có<br>mã số | HS<br>khó<br>khăn | Ghi chú |
|------------------|-------------|-----------|----------|-----|---------------------|------------------|-----------------------------|-------------------|---------|
| 1                | 1           | 5         | 149      | 66  | 2                   | 1                | 2                           | 26                |         |
| 2                | 2           | 5         | 131      | 67  | 4                   | 1                | 0                           | 21                |         |
| 3                | 3           | 5         | 160      | 78  | 6                   | 3                | 8                           | 20                |         |
| 4                | 4           | 5         | 146      | 73  | 5                   | 4                | 5                           | 14                |         |
| 5                | 5           | 5         | 134      | 67  | 2                   | 0                | 3                           | 17                |         |
| <b>Tổng cộng</b> |             | 25        | 720      | 351 | 19                  | 9                | 18                          | 98                |         |

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

Năm học 2023-2024, học sinh hoàn thành chương trình lớp học 761/763, Tỷ lệ: 100%

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các đơn vị nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

Năm học 2023-2024, học sinh hoàn thành chương trình tiểu học 194/194, Tỷ lệ: 99,7%

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính của đơn vị trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động: (Đính kèm).

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Năm học 2023-2024: Huy động trẻ 6 tuổi ra lớp 1: 100%. không có học sinh nghỉ bỏ học.

- Học sinh Hoàn thành CTLH: 761/763 (Tỷ lệ: 99,73). Học sinh Hoàn thành CTTH: 194/194 (Tỷ lệ 100%), Hiệu suất đào tạo 100%.

- Hoàn thành nhiệm vụ phổ cập giáo dục: UBND xã An Nhơn Tây được công nhận đạt chuẩn Quốc gia chống mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và phổ cập giáo dục bậc trung học năm 2023.

- Chăm lo tốt cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn: số tiền 111.344.000 bao gồm (Tổ chức vui trung thu, chăm lo học sinh nghèo, mua BHYT, đồng phục đi học, hỗ trợ xe đạp,...)

- Công đoàn đạt Xuất sắc, Chi đoàn đạt xuất sắc, Liên đội Xuất sắc.

- Đảng ủy xã An Nhơn Tây Thông báo kết luận số 364-TB/ĐU công nhận Chi bộ Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2023.
- Năm 2023-2024, Thư viện tiên tiến; công tác y tế học đường xếp loại xuất sắc.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



*Đỗ Văn Dũng*